

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 5 - 2022

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lại X Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Đức Cường và bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Vân Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Hoàng Thị X - sinh năm 1987; nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn ĐP, xã ĐP1, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1988; nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn KT, xã LS, huyện TL, tỉnh Hà Nam; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2021 và bản tự khai, nguyên đơn - chị Hoàng Thị X trình bày:* chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐP1, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình ngày 06/01/2017. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống được ít ngày tại thôn KT, xã LS, huyện TL, tỉnh Hà Nam. Sau đó, chị về Thái Bình sinh sống để tiện cho công việc của mình; còn anh H làm tự do ở Hà Nội, thỉnh thoảng cuối tuần về Thái Bình thăm chị. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H có mối quan hệ ngoài luồng (ngoại tình) với người phụ nữ khác. Chị và gia đình đã khuyên bảo anh H, nhưng anh H vẫn không chịu thay

đôi. Sau đó, đến tháng 01 năm 2020, anh chị sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, anh H vi phạm pháp luật, phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” phải đi chấp hành án ở Trại giam Thanh Hóa. Tháng 9 năm 2021, anh H đã chấp hành xong hình phạt tù, về sinh sống tại thôn KT, xã LS, huyện TL, tỉnh Hà Nam. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo về đoàn tụ, song không thành. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con: vợ chồng không có con chung, con riêng, con nuôi và hiện nay chị không mang thai; nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về phía bị đơn - anh Nguyễn Văn H:* trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TL đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh H biết và nhiều lần triệu tập, thông báo cho anh H đến Tòa án để viết bản tự khai, tham gia các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Mặc dù Tòa án cùng chính quyền xã LS đã đến gia đình anh H để làm việc với anh H, tổng đạt các văn bản, nhưng anh H không có nhà và không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể yêu cầu anh H làm bản tự khai hoặc tiến hành lấy lời khai đối với anh H và tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/01/2022, bà Lâm Thị N trình bày:* bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn H, là mẹ chồng của chị Hoàng Thị X. Anh H và chị X kết hôn năm 2017 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Sau khi kết hôn, anh chị sống chủ yếu ở Thái Bình để tiện cho công việc của chị X. Vào dịp lễ, Tết, ngày nghỉ, anh chị vẫn về nhà bà. Năm 2020, anh H vi phạm pháp luật và phải chấp hành hình phạt tù ở Trại giam Thanh Hóa. Tháng 9 năm 2021, anh H chấp hành xong hình phạt tù về sinh sống tại thôn Kênh Truật, xã LS cùng vợ chồng bà cho đến nay. Hiện nay anh H làm nghề tự do, sáng đi làm, tối về nhà; còn chị X vẫn sinh sống ở Thái Bình. Bà không rõ nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng anh H, chị X; bà chỉ biết anh chị sống ly thân kể từ khi anh H chấp hành án phạt tù. Bà đã khuyên bảo chị X về chung sống cùng anh H, nhưng chị X vẫn muốn ly hôn anh H. Nay, chị X xin ly hôn anh H, bà có nguyện vọng đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh chị đoàn tụ. Các văn bản của Tòa án gửi cho anh H như Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, bà là người nhận và giao lại cho anh H. Anh H đã biết được việc chị X làm đơn khởi kiện xin ly hôn, biết ngày giờ Tòa án triệu tập đến để giải quyết vụ việc, song anh H bận đi làm và không muốn ly hôn, nên không đến Tòa án làm việc. Anh H chị X không có con chung, tài sản chung; còn nợ chung của anh chị có hay không bà không nắm rõ.

* *Xác minh tại UBND xã LS xác định:* chị X và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐP1, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình ngày 06/01/2017. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống được ít ngày tại thôn KT, xã

LS, huyện TL, tỉnh Hà Nam. Sau đó, anh chị không sinh sống cùng nhau ở địa phương; anh H làm tự do, còn chị X làm việc ở Thái Bình. Vì vậy, địa phương không nắm rõ được nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị cụ thể như thế nào. Khoảng năm 2020, anh H vi phạm pháp luật, phải đi chấp hành án hình phạt tù ở Trại giam, thời gian này chị X sống ở Thái Bình. Hiện tại, anh H đã chấp hành xong hình phạt tù, về sinh sống ở địa phương; còn chị X sinh sống ở Thái Bình. Do chị X làm đơn ly hôn gửi trực tiếp đến Tòa án nhân dân huyện TL, nên địa phương không tiến hành hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng anh chị. Quan điểm của chính quyền, đoàn thể xã LS như sau: nay, chị X xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa,**

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Văn H. Về án phí ly hôn sơ thẩm, chị Hoàng Thị X phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị X có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là anh Nguyễn Văn H hiện cư trú tại xã LS, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Văn H là tự nguyện, hợp pháp. Do anh chị bất đồng quan điểm sống, anh H vi

phạm pháp luật phải đi chấp hành án ở Trại giam, nên vợ chồng không có sự chia sẻ, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh chị sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình động viên, khuyên bảo, nhưng không thành. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị X và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị X xin ly hôn anh H là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con: chị X và anh H không có con chung, con nuôi, con riêng; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị X không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị Hoàng Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 238, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Văn H.
2. Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Hoàng Thị X phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị X đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001269 ngày 24/12/2021.
3. Quyền kháng cáo đối với bản án: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện TL;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã ĐP1, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu.

(ĐÃ KÝ)